

**Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma**  
**Môn học: TƯƠNG ƯNG BỘ – SAMYUTTANIKĀYA**

**Bài học ngày 30.3.2022**

---

**MA TÌM LỖI Ở PHẬT**

**Kinh Bảy Năm Theo Dõi (Sattavassānubandhasuttam)**

**CHƯƠNG IV. TƯƠNG ƯNG ÁC MA, PHẨM THỨ BA (S.i, 122)**

*Các bậc Chánh Đẳng Chánh Giác được gọi là những Đấng Trọn Lành vì các Ngài không có bất cứ sở hành sai quấy nào dù sống một mình nơi thanh vắng. Ngay cả những tập tính không đẹp từ nhiều tiền kiếp (tiền khiên tật) cũng không có ở chư Phật. Ác ma không phải chỉ theo dõi sát Đức Phật từ lúc thành đạo mà kể từ Ngài rời khỏi hoàng cung xuất gia. Có lẽ trong thế gian này không ai khác có thể làm điều như Ác ma đã làm đối với Đức Phật là bám sát để tìm lỗi trong thời gian dài. Thế nhưng Ác ma đã thất vọng vì không thể tìm một khuyết điểm nhỏ nhất nào ở Bậc Ứng Cúng hoàn toàn thanh tịnh. Một điểm nên lưu ý của bài kinh này là một bậc không còn ngã chấp hay tâm cầu sở y thì không có sở hành bất thiện.*



**Kinh Văn**

**Evam me sutam –**  
Như vậy tôi nghe.

**ekam samayaṃ bhagavā uruvelāyaṃ viharati najjā nerañjarāya tīre  
ajapālanigrodhe.**

Một thuở Đức Thế Tôn trú ở Uruvelā trên bờ sông Nerañjarā, dưới Cây Đa Của Những Người Chăn Dê.

**Tena kho pana samayena māro pāpimā sattavassāni bhagavantam anubandho  
hoti otārāpekkho otāram alabhamāno.**

Bấy giờ Ác ma đi theo Thế Tôn suốt bảy năm với hy vọng tìm ra khuyết điểm nhưng không tìm được.

**Atha kho māro pāpimā yena bhagavā tenupasaṅkami; upasaṅkamitvā  
bhagavantam gāthāya ajjhabhāsi –**

Rồi Ác ma đi đến Thế Tôn nói với Ngài kệ ngôn:

**“Sokāvatiṇṇo nu vanamhi jhāyasi,  
Vittaṃ nu jīno uda patthayāno;  
Āguṃ nu gāmasmimakāsi kiñci,  
Kasmā janena na karosi sakkhiṃ;  
Sakkhī na sampajjati kenaci te”ti.**

Ưu sầu thiền trong rừng  
Mất của hay muốn của?  
Hay phạm pháp trong làng?  
Sao không bạn với ai?  
Sao không người thân thích?

(Thế Tôn)

**“Sokassa mūlaṃ palikhāya sabbam,  
Anāgu jhāyāmi asocamāno;  
Chetvāna sabbam bhavalobhajappam,  
Anāsavo jhāyāmi pamattabandhū”ti.**

Gốc ưu sầu nhỏ sạch  
Vô tội, ta thiền lạc  
Đoạn tận mọi hữu tham  
Vô nhiễm ta thiền tịnh  
Hỡi Bà Con Phóng Túng!

(Ác ma)

**“Yaṃ vadanti mama yidanti,  
ye vadanti mamanti ca;  
Ettha ce te mano atthi,  
na me samaṇa mokkhasī”ti.**

Cái họ gọi “của tôi”  
Và ai nói “của tôi”  
Nếu tâm Ngài nghĩ thế  
Chưa thoát ta, Sa môn!

(Thế Tôn)

**“Yaṃ vadanti na taṃ mayhaṃ,  
ye vadanti na te ahaṃ;  
Evaṃ pāpima jānāhi,  
na me maggampi dakkhasī”’ti.**

Cái họ gọi “của tôi”  
Ta không là người nói  
Hỏi Ác ma nên biết  
Đường ta người chẳng thấy

(Ác ma)

**“Sace maggaṃ anubuddhaṃ,  
khemāṃ amatagāmiṇaṃ;  
Apehi gaccha tvameveko,  
kimaññamanusāsasī”’ti.**

Nếu Ngài đã liễu đạo  
An ôn, đừng bắt tử  
Hãy hành trình một mình  
Cớ chi dạy người khác?

(Thế Tôn)

**“Amaccudheyyaṃ pucchanti,  
ye janā pāragāmino;  
Tesāhaṃ puṭṭho akkhāmi,  
yaṃ saccaṃ taṃ nirūpadhi”’nti.**

Những người đến bĩ ngạn  
Hỏi cảnh giới bất tử  
Được hỏi, ta trả lời  
Chân lý vô sở y

**“Seyyathāpi, bhante, gāmassa vā nigamassa vā avidūre pokkharāṇī. Tatrassa kakkaṭako. Atha kho, bhante, sambahulā kumārakā vā kumārikāyo vā tamhā gāmā vā nigamā vā nikkhamitvā yena sā pokkharāṇī tenupasaṅkameyyuṃ; upasaṅkamitvā taṃ kakkaṭakaṃ udakā uddharitvā thale patiṭṭhapeyyuṃ.**

**Yaṃ yadeva hi so, bhante, kakkaṭako aḷaṃ abhininnāmeyya taṃ tadeva te kumārakā vā kumārikāyo vā kaṭṭhena vā kathalāya vā sañchindeyyuṃ sambhañjeyyuṃ sampalibhañjeyyuṃ. Evañhi so, bhante, kakkaṭako sabbehi aḷehi sañchinnehi sambhaggehi sampalibhaggehi abhabbo taṃ pokkharañiṃ otarituṃ. Evameva kho, bhante, yāni kānici visūkāyikāni [yāni visukāyikāni (sī. pī. ka.)] visevitāni vipphanditāni, sabbāni tāni [kānici kānici sabbāni (sī. pī. ka.)] bhagavatā sañchinnāni sambhaggāni sampalibhaggāni. Abhabbo dānāhaṃ, bhante, puna bhagavantam upasaṅkamuṃ yadidaṃ otārāpekkho”ti.**

Thưa Ngài, giống như tại một hồ sen không xa làng hay thị trấn có một con cua. Rồi có một nhóm bé trai, bé gái rời làng đi tới hồ ấy. Họ bắt con cua ra khỏi nước và bỏ trên đất. Khi con cua duỗi ra cẳng hay chân nào thì bọn trẻ bẻ gãy cái đó và đập nát với gậy hay đá. Đến lúc con cua không còn cẳng hay chân để bò trở lại hồ nước. Cũng tương tự như vậy, thưa Ngài, tất cả những xuyên tạc, chống phá, cáo buộc của tôi đã bị Ngài đoạn trừ. Bây giờ tôi không thể đến gần Ngài để tìm những khuyết điểm lỗi lầm.

**Atha kho māro pāpimā bhagavato santike imā nibbejanīyā gāthāyo abhāsi –**  
Rồi Ác ma, trước mặt Thế Tôn, trong nỗi thất vọng, nói lên kệ ngôn:

**“Medavaṇṇaṅca pāsāṇaṃ, vāyaso anupariyagā;  
Apettha muduṃ vindema, api assādanā siyā.**

**“Aladdhā tattha assādaṃ, vāyasetto apakkame;  
Kākova selamāsajja, nibbijjāpema gotamā”ti.**

Như quạ liệng hư không,  
Thấy đá tường miếng mỡ,  
Nghĩ tìm được béo bở  
Có lẽ ngon, thịnh soạn.

Nào ngờ chẳng gì ngon  
Quạ rời bỏ chỗ ấy  
Như quạ với hòn đá  
Buồn bỏ Gotama.

**Atha kho māro pāpimā bhagavato santike imā nibbejanīyā gāthāyo abhāsivā tamhā ṭhānā apakkamma bhagavato avidūre pathaviyaṃ pallaṅkena nisīdi**

**tuṇhībhūto maṅkubhūto pattakkhandho adhomukho pajjhāyanto  
appaṭibhāno kaṭṭhena bhūmiṃ vilikhanto.**

Sau khi nói lên những kệ ngôn trước mặt Thế Tôn, Ác ma từ chỗ ấy bỏ đi. Đến ngồi một không xa Đức Thế Tôn, trong tư thế kiết già thụt vai, cúi đầu, rũ rượi, xấu hổ, im lặng, dùng gậy cào trên đất.



**“Sokāvatiṇṇo nu vanamhi jhāyasi**

= Có phải vì sâu muện Ngài thiền định trong rừng?

**Vittaṃ nu jīno uda patthayāno** = Vì mất mát của cái hay mong muốn của cái?

**Āguṃ nu gāmasmimakāsi kiñci** = Hay đã phạm tội gì ở trong làng?

**Kasmā janena na karosi sakkhiṃ** = Sao không làm bạn với ai?

**Sakkhī na sampajjati kenaci te”ti** = Sao không có quan hệ thân thiết gì?

**“Sokassa mūlaṃ palikhāya sabbam** = Đã nhổ sạch tất cả căn cội sâu muện

**Anāgu jhāyāmi asocamāno** = Vô tội, ta thiền định không ưu phiền

**Chetvāna sabbam bhavalobhajappam** = Sau khi cắt đoạn tất cả tham cầu sanh hữu

**Anāsavo jhāyāmi pamattabandhū”ti**

= Ta thiền định vô cấu, hỏi Bà Con Của Phóng Túng?

**“Yaṃ vadanti mama yidanti** = Cái gì họ gọi “đó của tôi”

**ye vadanti mamanti ca** = Những ai nói “của tôi”

**Ettha ce te mano atthi** = Nếu tâm người còn ý niệm ấy

**na me samaṇa mokkhasī”ti** = Thời vẫn chưa thoát khỏi ta, hỏi Sa Môn

**“Yaṃ vadanti na taṃ mayham** = Cái họ gọi đó là của tôi

**ye vadanti na te aham** = Ta không phải là người nói vậy

**Evam pāpima jānāhi** = Người nên biết như thế, hỏi Ác ma

**na me maggampi dakkhasī”ti** = Ngay cả đường ta đi người cũng không thấy được

**“Sace maggaṃ anubuddham** = Nếu Ngài đã tìm ra chánh đạo

**khemam amatagāminam** = an ổn, dẫn đến bất tử

**Apehi gaccha tvameveko** = hãy đi và độc hành

**kimaññamanusāsasī”ti** = Có gì phải chỉ dạy cho người khác?

“**Amaccudheyyaṃ pucchanti** = Có những người băng ngang đến Bờ Kia  
**ye janā pāragāmino** = tìm hỏi về cảnh giới vượt ngoài sự chết  
**Tesāhaṃ puṭṭho akkhāmi** = Khi được hỏi, thì ta giải thích  
**yaṃ saccaṃ taṃ nirūpadhi**”nti = Chân lý vô sở y

“**Medavaṇṇaṅca pāsāṇaṃ vāyaso anupariyagā**  
= Con quạ lượn quanh hòn đá tảng đó là miếng mỡ  
**Apettha muduṃ vindema api assādanā siyā** = (nó nghĩ) là mềm mại, thơm, ngon

“**Aladdhā tattha assādaṃ** = Nhưng ở đó không được vị ngon gì  
**vāyasetto apakkame** = con quạ bỏ ra đi  
**Kākova selamāsajja** = Như quạ mổ hòn đất  
**nibbijjāpema gotamā**”ti = Ta thất vọng rồi Gotama



### Thích nghĩa

*Sớ giải nói về con số bảy năm gồm sáu năm Đức Bồ Tát tu khổ hạnh và năm thứ nhất sau khi thành đạo. Nói chính xác thì câu chuyện này xảy ra vào tuần lễ thứ năm sau khi Đức Thế Tôn thành đạo.*

*Chữ otārāpekkho ít khi tìm thấy trong kinh điển mang ý nghĩa tiếp cận tìm lỗi để chỉ trích. Sớ giải chỉ rằng otāra mang nghĩa vivara (khiếm khuyết).*

*Đoạn cuối cùng của bài kinh này có dị bản thú vị. Theo Tam Tạng Tích Lan thì đoạn này khởi đầu cho bài kinh theo (Kinh Ma Nữ), còn Tam Tạng Miến Điện thì ghi là thuộc phần sau cùng bài kinh này. Không có sai biệt trong kinh văn. Hai bài kinh có thể gom chung thành một câu chuyện (...)*

**Tỳ kheo Giác Đăng dịch và biên soạn giáo trình**  
-ooOoo-

## 4. Sattavassānubandhasuttam [Mūla]

160. Evaṃ me sutam – ekaṃ samayaṃ bhagavā uruvelāyaṃ viharati najjā nerañjarāya tīre ajapālanigrodhe. Tena kho pana samayena māro pāpimā sattavassāni bhagavantam anubandho hoti otārāpekkho otāram alabhamāno. Atha kho māro pāpimā yena bhagavā tenupasaṅkami; upasaṅkamtivā bhagavantam gāthāya ajjhabhāsi –

“Sokāvatiṇṇo nu vanamhi jhāyasi,  
Vittam nu jīno uda patthayāno;  
Āgum nu gāmasmimakāsi kiñci,  
Kasmā janena na karosi sakkhim;  
Sakkhī na sampajjati kenaci te”ti.

“Sokassa mūlam palikhāya sabbam,  
Anāgu jhāyāmi asocamāno;  
Chetvāna sabbam bhavalobhajappam,  
Anāsavo jhāyāmi pamattabandhū”ti.

“Yaṃ vadanti mama yidanti, ye vadanti mamanti ca;  
Ettha ce te mano atthi, na me samaṇa mokkhasī”ti.

“Yaṃ vadanti na taṃ mayham, ye vadanti na te aham;  
Evaṃ pāpima jānāhi, na me maggampi dakkhasī”ti.

“Sace maggam anubuddham, khemaṃ amatagāminam;  
Apehi gaccha tvameveko, kimaññamanusāsasi”ti.

“Amaccudheyyam pucchanti, ye janā pāragāmino;  
Tesāham puṭṭho akkhāmi, yaṃ saccam taṃ nirūpadhi”nti.

“Seyyathāpi, bhante, gāmassa vā nigamassa vā avidūre pokkharāṇī. Tatrassa kakkaṭako. Atha kho, bhante, sambahulā kumārakā vā kumārikāyo vā tamhā gāmā vā nigamā vā nikkhamitvā yena sā pokkharāṇī tenupasaṅkameyyum; upasaṅkamtivā taṃ kakkaṭakam udakā uddharitvā thale patiṭṭhapeyyum. Yaṃ yadeva hi so, bhante, kakkaṭako aḷam abhininnāmeyya taṃ tadeva te kumārakā vā kumārikāyo vā kaṭṭhena vā kathalāya vā sañchindeyyum sambhañjeyyum sampalibhañjeyyum. Evañhi so, bhante, kakkaṭako sabbehi aḷehi sañchinnehi sambhaggehi sampalibhaggehi abhabbo taṃ pokkharāṇim otarituṃ. Evameva kho, bhante, yāni kānici visūkāyikāni

[yāni visukāyikāni (sī. pī. ka.)] visevitāni vipphanditāni, sabbāni tāni [kānici kānici sabbāni (sī. pī. ka.)] bhagavatā sañchinnāni sambhaggāni sampalibhaggāni. Abhabbo dānāhaṃ, bhante, puna bhagavantam upasaṅkamtum yadidaṃ otārāpekkho’’ti. Atha kho māro pāpimā bhagavato santike imā nibbejanīyā gāthāyo abhāsi –

“Medavaṇṇaṅca pāsāṇaṃ, vāyaso anupariyagā;  
Apettha mudum vindema, api assādanā siyā.

“Aladdhā tattha assādaṃ, vāyasetto apakkame;  
Kākova selamāsajja, nibbijjāpema gotamā’’ti.

## 4. Sattavassānubandhasuttavaṇṇanā [Aṭṭhakathā]

**160.** Catutthe **satta vassānī**ti pure bodhiyā chabbassāni, bodhito pacchā ekaṃ vassaṃ. Otārāpekkhoti “sace samaṇassa gotamassa kāyadvārādīsu kiñcīdeva ananucchavikaṃ passāmi, codessāmi na’’nti evaṃ vivaraṃ apekkhamāno. **Alabhamānoti** rathareṇumattampi avakkhalitaṃ apassanto. Tenāha –

“Satta vassāni bhagavantam, anubandhiṃ padāpadaṃ;  
Otāraṃ nādhigacchissaṃ, sambuddhassa satīmato’’ti. (su. ni. 448);

**Upasaṅkamī**ti “ajja samaṇaṃ gotamaṃ atigahetvā gamissāmī’’ti upasaṅkami.

**Jhāyasī**ti jhāyanto avajjhāyanto nisinnosīti vadati. **Vittaṃ nu jīnoti** sataṃ vā sahaṣsaṃ vā jītosī nu. **Āguṃ nu gāmasmī**ti, kiṃ nu antogāme pamāṇātikantaṃ pāpakammaṃ akāsi, yena aññesaṃ mukhaṃ oloketum avisahanto araññe vicarasi? **Sakkhī**ti mittabhāvaṃ.

**Palikhāyā**ti khaṇitvā. **Bhavalobhajappanti** bhavalobhasaṅkhātaṃ taṇhaṃ. **Anāsavo jhāyāmī**ti nittaṇho hutvā dvīhi jhānehi jhāyāmi. **Pamattabandhū**ti māraṃ ālapati. So hi yekeci loke pamattā, tesam bandhu.

**Sace maggaṃ anubuddhanti** yadi tayā maggo anubuddho. **Apehī**ti apayāhi. **Amaccudheyanti** maccuno anokāsabhūtaṃ nibbānaṃ. **Pāragāminoti** yepi pāraṃ gatā, tepi pāragāmino. Yepi pāraṃ gacchissanti, yepi pāraṃ gantukāmā, tepi pāragāmino.



**Visūkāyikānīti** māraṅvisūkāni. **Visevitānīti** viruddhasevitāni, “appamāyu manussānaṃ, accayanti ahorattā”ti vutte. “Dīghamāyu manussānaṃ, nāccayanti ahorattā”tiādīni paṭilomakāraṇāni. **Vipphanditānīti**, tamhi tamhi kāle hatthirājavanṇasappavanṇādiddassanāni. **Nibbejanīyāti** ukkaṇṭhanīyā.

**Anupariyagāti**ādīsu kiñcāpi atītavacanaṃ kataṃ, attho pana vikappavasena veditaḅbo. Idaṃ vuttaṃ hoti – yathā medavaṇṇaṃ pāsāṇaṃ vāyaso disvā – “api nāmettha muduṃ vindeyyāma, api assādo siyā”ti anuparigaccheyya, atha so tattha assādaṃ alabhivāva vāyaso etto apakkameyya, tato pāsāṇā apagaccheyya, evaṃ mayampi so kāko viya selaṃ gotamaṃ āsajja assādaṃ vā santhavaṃ vā alabhantā gotamā nibbinditvā apagacchāma. Catutthaṃ.